

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung:

- [1] Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế công nghiệp
- [2] Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- [3] Ngành đào tạo: Thiết kế công nghiệp (TKCN).
+ Chuyên ngành TKCN Tạo dáng sản phẩm
+ Chuyên ngành TKCN Thiết kế thời trang
+ Chuyên ngành TKCN Thiết kế đồ họa
+ Chuyên ngành TKCN Thiết kế nội thất
- [4] Mã ngành đào tạo: [6210401]
- [5] Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- [6] Tên Khoa: Khoa Design
- [7] Trường cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
- [8] Cơ sở tổ chức giảng dạy: Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

2. Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển sinh trong phạm vi cả nước.

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (hoặc tương đương) và qua xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Các năm 2015, 2016 và 2017 Trường tuyển sinh theo phương thức xét tuyển, không thi tuyển. Xét tuyển theo hai phương thức: (1) Xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia; và (2) Xét tuyển bằng học bạ Lớp 12 THPT.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học.
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

<u>Bậc học</u>	<u>Thời gian đào tạo chính khóa</u>	<u>Thời gian kéo dài</u>
Cao đẳng	3,0 năm (6 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

4. Mục tiêu đào tạo:

- [1] Mục tiêu chung:
Đào tạo Cử nhân Cao đẳng Thiết kế công nghiệp (TKCN):

- + Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, văn hóa, triết học. Có tư tưởng vững vàng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn.
- + Có kiến thức thẩm mỹ, nghệ thuật nhằm nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ phục vụ cho việc phát triển ý tưởng trong thiết kế.
- + Có kiến thức liên ngành hỗ trợ trong lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng và có kiến thức về thị trường, thị hiếu xã hội, marketing đáp ứng nhu cầu xã hội.
- + Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế, hiểu rõ vị trí và vai trò của ngành thiết kế, đáp ứng hoạt động nghề nghiệp và nhu cầu xã hội.
- + Có khả năng lập quy trình thiết kế: Lập ý tưởng, phát triển ý tưởng, định hướng giải pháp thiết kế, thiết kế thử nghiệm, giải quyết các vấn đề liên quan tới quy trình thiết kế.
- + Có kỹ năng diễn họa bằng tay, bằng máy tính hoặc bằng mô hình sản phẩm mẫu để thể hiện ý tưởng.
- + Có khả năng sử dụng các giải pháp kỹ thuật chuyên môn, công cụ máy tính, tin học chuyên ngành trong quá trình thiết kế.
- + Có khả năng thuyết trình, báo cáo các vấn đề chuyên môn, đặt vấn đề, phản biện và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực thiết kế.
- + Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có tác phong công nghiệp và hòa nhập được trong các môi trường làm việc khác nhau.
- + Có phẩm chất công dân, ý thức tôn trọng pháp luật.
- + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường.

[2] Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Đối với chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm (TDSP), sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm sẽ có khả năng:

- + Có kiến thức khoa học xã hội, văn hóa, lịch sử, triết học, mỹ thuật làm nền tảng để phát triển chuyên môn.
- + Có kiến thức cơ bản về ứng dụng các vật liệu thông dụng trong sản xuất sản phẩm công nghiệp như gỗ, nhựa, gốm, kim loại...
- + Có kiến thức liên ngành hỗ trợ trong các lĩnh vực liên quan đến mỹ thuật ứng dụng để phối hợp trong dây chuyền sản xuất thực tế.
- + Có kỹ năng thực hiện tốt các khâu trong quy trình thiết kế sản phẩm.
- + Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích, tổng hợp và xử lý thông tin trong quá trình nghiên cứu về người sử dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế sản phẩm.
- + Có kỹ năng ứng dụng công cụ, phương tiện kỹ thuật, công nghệ vào thiết kế, có giải pháp tối ưu trong ứng dụng thiết kế, sản xuất một cách hiệu quả.
- + Có kỹ năng tư vấn sử dụng sản phẩm thiết kế.
- + Có kỹ năng diễn họa tay để thể hiện ý tưởng.
- + Có kỹ năng thể hiện mô hình sản phẩm mẫu.
- + Có kỹ năng triển khai và phát triển các đồ án chuyên môn.
- + Có kỹ năng mềm: thuyết trình, trình bày các vấn đề chuyên môn; làm việc độc lập và làm việc nhóm các dự án chuyên ngành, liên ngành; sử dụng tin học trong trình chiếu, trình bày và ứng dụng tin học chuyên ngành trong thiết kế tạo dáng sản phẩm.
- + Có ý thức phát huy những giá trị nhân văn, gìn giữ những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc, tôn trọng pháp luật, kỷ luật, đạo đức, trách nhiệm với cộng đồng.
- + Có khả năng định hướng và thích nghi với nhiều môi trường làm việc khác nhau.

Đối với chuyên ngành Thiết kế thời trang (TKTT), sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế thời trang sẽ có khả năng:

- + Có kiến thức về khoa học xã hội, lịch sử, văn hóa, triết học làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn.
- + Có kiến thức về mỹ thuật, nghệ thuật thị giác nhằm nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ phục vụ cho việc phát triển ý tưởng trong thiết kế.
- + Có kiến thức về thị trường, thị hiếu... để phát triển chuyên môn theo hướng phù hợp với nhu cầu chung của xã hội hiện thời.
- + Có kiến thức về văn hóa và phong cách đặc thù của thời trang để phát triển các mẫu thiết kế mới dựa trên nền tảng của cái đã có.
- + Có kiến thức về chất liệu, các hình thức phân loại và xử lý chất liệu đặc thù của ngành nghề thiết kế thời trang.
- + Có hiểu biết và vận dụng trong việc xây dựng quy trình thiết kế, sản xuất sản phẩm thời trang.
- + Có khả năng lập quy trình thiết kế: Lập ý tưởng, phát triển ý tưởng, định hướng giải pháp thiết kế, thiết kế thử nghiệm, giải quyết các vấn đề liên quan tới quy trình thiết kế, thiết kế chi tiết, bảo vệ đề tài.
- + Có khả năng diễn họa ý tưởng bằng hình thức vẽ tay, vẽ máy.
- + Có khả năng phân tích, tổng hợp tư liệu dựa trên sách, tạp chí, tranh, ảnh.
- + Có khả năng sử dụng các giải pháp kỹ thuật chuyên môn, công cụ máy tính để hỗ trợ quá trình thực hiện sản phẩm thiết kế.
- + Có khả năng nắm bắt xu hướng thời trang.
- + Có khả năng quản lý sản phẩm theo yêu cầu chung của thời trang công nghiệp, thời trang cao cấp.
- + Có kỹ năng thuyết trình, bảo vệ đề tài; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có khả năng lập kế hoạch, thời gian biểu; có khả năng sử dụng các công cụ máy tính để hỗ trợ quá trình thiết kế; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong tra cứu, tham khảo tư liệu.
- + Tôn trọng pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp; có thái độ cầu tiến, luôn học hỏi để nâng cao năng lực, khám phá cái mới; có ý thức hỗ trợ, cống hiến cho sự phát triển của ngành nghề; có khả năng thích nghi với môi trường, yêu cầu công việc; có khả năng tự học, bổ sung, mở rộng kiến thức; có khả năng đảm bảo, chịu trách nhiệm về các sáng tác của mình.
- + Có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

Đối với chuyên ngành Thiết kế đồ họa (TKĐH), sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế đồ họa sẽ có khả năng:

- + Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, nghệ thuật, lịch sử, triết học. Có tư tưởng vững vàng làm nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn.
- + Có kiến thức cơ sở ngành về mỹ thuật, nghệ thuật thị giác và khả năng vận dụng các kiến thức cho việc phát triển ý tưởng trong thiết kế.
- + Có khả năng vẽ tay và dựng hình bằng bút chì, bút kim, than, màu nước, màu bột... trên mọi chất liệu.
- + Có khả năng vận dụng vật liệu như giấy, vải, nhựa, nhôm, để tạo mô hình sản phẩm cũng như tạo được mẫu bao bì mới.
- + Có khả năng minh họa, biên tập và dàn trang tạp chí, sách, truyện... thành thạo các phần mềm Photoshop, Illustrator, InDesign, chụp ảnh và biết sử dụng chữ trong thiết kế.
- + Có khả năng lập quy trình thiết kế: Lập ý tưởng, phát triển ý tưởng, định hướng giải pháp thiết kế, thiết kế thử nghiệm, giải quyết các vấn đề liên quan tới quy trình thiết kế, thiết kế chi tiết, bảo vệ đề tài.
- + Có khả năng hỗ trợ thực hiện dự án quảng cáo thương mại.

- + Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.
- + Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, nghiên cứu chuyên môn.
- + Có phẩm chất trách nhiệm, tính kỷ luật.
- + Có ý thức tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, có đạo đức nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường; có năng lực tự học, bổ sung, mở rộng kiến thức; có khả năng đảm bảo, chịu trách nhiệm về các sáng tác của mình.

Đối với chuyên ngành Thiết kế nội thất (TKNT), sinh viên tốt nghiệp chương trình cao đẳng Thiết kế công nghiệp chuyên ngành Thiết kế nội thất sẽ có khả năng:

- + Có kiến thức về triết học, xã hội học, văn hóa, lịch sử để tiếp thu kiến thức chuyên ngành và thể hiện được các giá trị nhân văn trong việc thiết kế nội thất.
- + Có kiến thức về mỹ thuật, nghệ thuật để phát triển ý tưởng, khả năng tư duy sáng tạo trong việc thiết kế nội thất.
- + Có kiến thức tổng quát về môi trường tự nhiên, môi trường đô thị, kiến trúc công trình liên quan đến thiết kế nội thất.
- + Có kỹ năng thực hiện tốt các khâu trong quy trình thiết kế nội thất.
- + Có kỹ năng phân tích tổng quát về loại hình, đối tượng sử dụng, tổ chức không gian, ngôn ngữ tạo hình liên quan đến nội thất.
- + Có khả năng xây dựng được ý đồ thiết kế nội thất cho những không gian nội thất cụ thể, phù hợp với chức năng sử dụng.
- + Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong các dự án chuyên ngành và liên ngành.
- + Sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học văn phòng cơ bản để trình bày các tài liệu và thuyết trình; sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành trong thiết kế nội thất.
- + Có khả năng tìm kiếm và biết cách xử lý các thông tin có liên quan đến thiết kế nội thất.
- + Có kỹ năng phản biện và giải quyết vấn đề.
- + Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt TOEIC 350 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- + Có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.
- + Có đạo đức nghề nghiệp.
- + Có ý thức tôn trọng pháp luật; thực hiện đúng những quy định về sở hữu trí tuệ, tác quyền.
- + Có tinh thần học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Có thái độ làm việc khoa học, tinh thần kỷ luật, tác phong công nghiệp và hòa nhập được trong các môi trường làm việc khác nhau.
- + Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
- + Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.
- + Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- + Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tiếp tục học tập và nghiên cứu ở trình độ đại học các ngành Thiết kế.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

[1] Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Tạo dáng sản phẩm

KHÔI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	4	75	45	30	105	52.94	47.06

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	15	285	165	120	390	50.77	49.23
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	66	1455	510	945	1665	28.81	71.19
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	10	300	60	240	270	15.79	84.21
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	4	210	15	195	180	05.45	94.55
	99	2550	885	1665	2880	28.50	71.50

Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế thời trang

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	4	75	45	30	105	52.94	47.06
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	15	285	165	120	390	50.77	49.23
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	63	1440	450	990	1545	25.42	74.58
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	12	345	75	270	315	17.24	82.76
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	4	210	15	195	180	05.45	94.55
	98	2580	840	1740	2805	26.58	73.42

Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế đồ họa

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	4	75	45	30	105	52.94	47.06
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	15	285	165	120	390	50.77	49.23
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	66	1440	480	960	1650	27.27	72.73
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	10	300	60	240	270	15.79	84.21
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	4	210	15	195	180	05.45	94.55
	99	2535	855	1680	2865	27.63	72.37

Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế nội thất

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ				TỶ LỆ % THEO GIỜ HỌC	
		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Lý thuyết	Thực hành
Giáo dục chuyên biệt	0	225	90	135	270	33.33	66.67
Giáo dục đại cương - Khoa học tự nhiên	4	75	45	30	105	52.94	47.06
Giáo dục đại cương - Khoa học xã hội	15	285	165	120	390	50.77	49.23
Giáo dục chuyên nghiệp - Cơ sở	65	1350	525	825	1695	32.31	67.69
Giáo dục chuyên nghiệp - Chuyên ngành	10	300	60	240	270	15.79	84.21
Thực tập tốt nghiệp/Đồ án khóa luận tốt nghiệp	4	210	15	195	180	05.45	94.55
	98	2445	900	1545	2910	30.41	69.59

[2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
 - Giáo dục thể chất 1 và 2
 - Giáo dục quốc phòng

- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành
 - Kiến thức chuyên ngành
 - Kiến thức bổ trợ
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.

[3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành, ...;
- + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
- + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (cấp chứng chỉ).
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.

6. Nội dung chương trình: Xem chi tiết trong Bảng C91, C92, C93 và C94

- [1] Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Tạo dáng sản phẩm
- [2] Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế thời trang
- [3] Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế đồ họa
- [4] Ngành Thiết kế công nghiệp, chuyên ngành TKCN Thiết kế nội thất

7. Mô tả tóm tắt môn học:

- [1] Tiếng Anh 1 ----- [GS11001]

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản giao tiếp về một số chủ điểm thông thường. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

- [2] Tiếng Anh 2 ----- [GS11002]

Môn học Tiếng Anh 2 nhằm củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1; đồng thời cung cấp cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng và những kiến thức cơ bản về giao tiếp theo các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, các lĩnh vực quan tâm, các sự kiện đang diễn ra... Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[3] Tiếng Anh 3 ----- [GS21003]

Môn học Tiếng Anh 3 nhằm rèn luyện và củng cố các kiến thức và kỹ năng mà sinh viên đã đạt được ở Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2; đồng thời cung cấp và mở rộng cho sinh viên vốn kiến thức mới về ngữ pháp, từ vựng, kiến thức giao tiếp về các tình huống xã hội hàng ngày cũng như trong công việc quen thuộc thường nhật. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và nói theo dạng đề thi TOEIC.

[4] Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ----- [GS17001]

Giới thiệu chung về Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tập trung làm rõ về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và vai trò của nó. Trên cơ sở đó, làm rõ những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

[5] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- [GS27002]

Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài phần giới thiệu chung về khái niệm, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm và các nguồn tư liệu chính thống đã được khẳng định trong các Văn kiện của Đảng ta.

Trong triển khai chương trình và viết giáo trình cần tập trung làm rõ giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta hiện nay và mai sau; cần nhấn mạnh những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào cách mạng thế giới.

[6] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ----- [GS27003]

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.

Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

[7] Giáo dục thể chất 1 ----- [GS19001]

Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giao đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.

Phần thực hành: Nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết về kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (Chạy cự ly trung bình: Nam: 1500m, Nữ: 800m) và môn thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục phát triển chung).

[8] Giáo dục thể chất 2 ----- [GS19002]

Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).

[9] Tin học đại cương ----- [GS15001]

Môn song hành: Thực hành Tin học đại cương

Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: Hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel.

Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường.

[10] Thực hành Tin học đại cương----- [GS15002]

Môn song hành: Tin học đại cương

Nội dung tóm tắt:

- + Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học
- + Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lý hoạt động.
- + Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
- + Sử dụng phần mềm Microsoft Word, Excel.
- + Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP...
- + Cài đặt và sử dụng một số phần mềm tiện ích: VIRUS...

[11] Design đại cương ----- [9DECHCS022]

Môn học lý thuyết kết hợp thảo luận seminar trên lớp gồm lý luận giải thích các vấn đề design là gì, design để làm gì, ai làm design, đặc trưng của design, ngôn ngữ và phương pháp luận design. Môn học gồm 2 phần, phần 1 lý thuyết có 5 chương về khái niệm, các chuyên ngành, lược sử, lý thuyết design và phương pháp luận design. Phần 2 seminar: Sinh viên làm nghiên cứu theo nhóm và seminar trao đổi, thảo luận trên lớp về các lĩnh vực chuyên ngành design qua đó hiểu được các lĩnh vực hoạt động và các sản phẩm design.

[12] Nguyên lý thị giác ----- [9DECHCS007]

Giới thiệu những nguyên lý thị giác của nghệ thuật thị giác. Sinh viên được rèn luyện hiểu các tình huống tâm lý thị giác trên diện phẳng 2D và trong không gian thông qua ngôn ngữ hình thức.

[13] Vẽ kỹ thuật (TKCN) ----- [9DTVECS001]

Lý thuyết:

- + Giới thiệu môn học.
- + Vật liệu và dụng cụ vẽ.
- + Những tiêu chuẩn và cách trình bày bản vẽ.
- + Cơ thể học của chữ và một số phương pháp hỗ trợ vẽ hình học.
- + Biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật.
- + Hình chiếu trục đo.
- + Hình chiếu phối cảnh.

Thực hành:

- + Với mỗi nội dung lý thuyết, sinh viên sẽ có bài tập ứng dụng để thực hành

Phần 1: Tổng quan môn học

- + Giới thiệu chương trình, nội dung đề cương, yêu cầu môn học cũng như các dụng cụ học liệu có liên quan.
- + Thống nhất kế hoạch làm việc cụ thể theo lịch trình giảng dạy.
- + Các thao tác tiến hành một bài nghiên cứu hình họa 1.
- + Những yêu cầu cần chú ý của hình họa 1.
- + Hướng dẫn cách tìm tài liệu có liên quan phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập môn hình họa 1.
- + Về chất liệu bút chì, những yêu cầu về phác hình và đan nét.

Phần 2: Phần phân tích cấu trúc khối

- + Giới thiệu về cấu trúc các khối thường gặp, cung cấp tài liệu tham khảo về cấu trúc khối cho sinh viên.
- + Xếp mẫu để sinh viên quan sát và thực hiện bài.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài.

Phần 3: Phần lý thuyết và thực hành phối cảnh

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu hình ảnh minh họa.
- + Giới thiệu về phối cảnh 1 điểm tụ, 2 điểm tụ.
- + Hướng dẫn thao tác thực hiện vẽ khối trong không gian phối cảnh.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thành bài.

Phần 4: Phần nghiên cứu và thực hành phác họa khối

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu, tranh ảnh minh họa.
- + Hướng dẫn sinh viên cách xác định bố cục, sử dụng que đo, dây dọi để phác hình, cách phân mảng hệ thống sáng tối lớn, cách đan nét tạo khối và cách nhấn hoàn chỉnh bài.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài.

Phần 5: Phần nghiên cứu và thực hành chất liệu

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu, tranh ảnh minh họa.
- + Hướng dẫn sinh viên cách xác định bố cục, cách sử dụng que đo, dây dọi để phác hình, cách phân mảng hệ thống sáng tối lớn, cách đan nét tạo khối, diễn tả chất liệu.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài.

Phần 6: Phần nghiên cứu và thực hành tĩnh vật tự chọn

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu, tranh ảnh minh họa.
- + Hướng dẫn sinh viên cách xác định bố cục, cách sử dụng que đo, dây dọi để phác hình, cách phân mảng hệ thống sáng tối lớn, cách đan nét tạo khối, diễn tả chất liệu và cách nhấn hoàn chỉnh bài.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài.

[15] Ergonomics-----[9DECHCS010]

Mục đích môn học: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về công thái học, hình thái học - Khoa học ergonomics nghiên cứu về mối quan hệ giữa con người với sản phẩm, với môi trường và tìm hiểu những hạn chế cũng như khả năng của con người để phục vụ cho mục đích thiết kế sản phẩm phù hợp con người.

Nội dung văn tắt: Nhân trắc học ergonomics, tâm sinh lý con người và tác động của môi trường của màu sắc lên con người. Những bài tập thực hành vận dụng hệ số nhân trắc vào thiết kế sản phẩm công nghiệp.

[16] Hình họa 2-----[9DEMTCS002]

Phần 1: Tổng quan môn học

- + Giới thiệu chương trình, nội dung đề cương, yêu cầu môn học cũng như các dụng cụ học liệu có liên quan.
- + Thống nhất kế hoạch làm việc cụ thể theo lịch trình giảng dạy.
- + Các thao tác tiến hành một bài nghiên cứu hình họa 2.
- + Những yêu cầu cần chú ý của hình họa 2.
- + Hướng dẫn cách tìm tài liệu có liên quan phục vụ cho việc nghiên cứu, học tập môn hình họa 2.
- + Về chất liệu chất liệu màu nước/màu bột, kỹ thuật sử dụng màu.

Phần 2: Phần lý thuyết và kỹ thuật màu nước/màu bột

- + Giới thiệu về lý thuyết và kỹ thuật sử dụng màu nước/màu bột.
- + Hướng dẫn sinh viên cách pha vòng màu, tạo ra màu tương phản, tương đồng, trung tính, hòa sắc.
- + Xếp mẫu để sinh viên quan sát, phân tích tương quan sắc độ, màu và thực hành.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên thực hiện bài thực hành.

Phần 3: Phần thực hành diễn tả chất liệu bằng màu nước/màu bột

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu hình ảnh minh họa.
- + Giới thiệu về đặc tính, màu sắc của từng loại chất liệu.
- + Hướng dẫn thao tác sử dụng màu nước/màu bột để vẽ diễn họa các chất liệu.
- + Phổ biến yêu cầu, số lượng bài.
- + Hướng dẫn sinh viên thực hiện và hoàn thành bài.

Phần 4: Phần thực hành tĩnh vật tự chọn

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu, tranh ảnh minh họa.
- + Khuyến khích sinh viên tự xếp mẫu.
- + Hướng dẫn sinh viên thao tác thực hiện.
- + Phổ biến yêu cầu bài.
- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài.

Phần 5: Phần ký họa phong cảnh

- + Giảng viên chuẩn bị tư liệu, tranh ảnh minh họa.
- + Nhắc lại kiến thức phối cảnh, cho sinh viên quan sát để rút ra quy luật phối cảnh ngoài thực tế.
- + Hướng dẫn sinh viên cách xác định bố cục, cách sử dụng que đo, dây dọi để phác phối cảnh, cách phân mảng hệ thống sáng tối lớn, cách sử dụng bút sắt, màu nước để hoàn thiện bài.
- + Phổ biến yêu cầu bài.

- + Hướng dẫn sinh viên hoàn thiện bài.

[17] Thực tập cơ sở -----[9DECHCS001]

Toàn bộ sinh viên năm thứ I sau khi hoàn thành chương trình học của năm đầu tiên sẽ được Khoa và bộ môn tổ chức đi tham quan, ký họa thực tế tại Đà Lạt. Trong thời gian 5 ngày (3 ngày làm việc tại Đà Lạt và 2 ngày di chuyển), sinh viên hoàn thành hệ thống bài gồm ký họa, ảnh chụp và bài cảm nhận dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên môn Hình họa và Nhiếp ảnh.

[18] Nghệ thuật ảnh -----[9DENACS003]

Nghệ thuật ảnh là môn học thiên về nghệ thuật thị giác là một trong những kỹ năng rất gần gũi với sinh viên học ngành thiết kế và mỹ thuật (Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật công nghiệp, Thiết kế kiến trúc, Xây dựng...).

Nắm bắt các kiến thức căn bản của nhiếp ảnh và kỹ năng sử dụng thành thạo sử dụng máy ảnh kỹ thuật số. Đó cũng là điều kiện tiên quyết cho môn học kế tiếp là Ảnh Studio.

[19] Ảnh Studio -----[9DENACS004]

Nghệ thuật ảnh là môn học thiên về nghệ thuật thị giác là một trong những kỹ năng rất gần gũi với sinh viên học ngành thiết kế và mỹ thuật (Mỹ thuật tạo hình, Mỹ thuật công nghiệp, Thiết kế kiến trúc, Xây dựng...). Với học phần ảnh Studio này sinh viên sẽ tập làm quen với việc chủ động hoàn toàn về ý tưởng và các kỹ thuật nâng cao của nhiếp ảnh.

Nắm bắt các kiến thức căn bản của nhiếp ảnh một cách sâu hơn, tập sử dụng thành thạo sử dụng máy ảnh kỹ thuật số SLR và các thiết bị trong một studio ảnh chuyên nghiệp. Đó cũng là một trong những cách làm quen tốt nhất với ảnh trước khi sinh viên ra trường và làm việc trong các công ty thiết kế, công ty quảng cáo.

- + Các kỹ thuật căn bản và ánh sáng trong việc chụp ảnh ở Studio
- + Ưu điểm và nhược điểm của việc chụp ảnh trong studio và ngoại cảnh
- + Giới thiệu và làm quen các loại thiết bị trong studio ảnh
- + Các phương thức chuẩn bị và tổ chức để chụp ảnh trong Studio

[20] Thực tập chuyên ngành ----- [9DECHCN001]

Thực tập chuyên ngành tạo cơ hội cho người học cọ sát với môi trường làm việc, quy trình thiết kế trong thực tế để thông qua đó, người học có thể so sánh, đối chiếu, những kiến thức đã học với môi trường công việc và dựa vào công việc thực tế để học hỏi thêm về quy trình sản xuất cũng như rút kinh nghiệm cho bản thân và hoàn thiện bản thân trong việc học hơn nữa.

[21] Lịch sử mỹ thuật ----- [9DEXHDC004]

Là môn học lý thuyết lịch sử. Kết cấu theo tiến trình lịch sử của dân tộc. Nội dung gồm các giai đoạn phát triển Mỹ thuật của Việt Nam qua các thời kỳ. Các phong cách mỹ thuật qua các triều đại; sự ảnh hưởng của các nền mỹ thuật trong khu vực và thế giới. Và sự hình thành nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Học phần mở rộng thêm các chuyên đề nhằm giới thiệu thêm những thành tựu và sự phát triển của mỹ thuật Việt Nam.

[22] Mỹ học đại cương ----- [9DEXHDC005]

Xác định đối tượng của mỹ học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực, trong đó, nghệ thuật là nơi tập trung nhất mối quan hệ thẩm mỹ, xác định những yếu tố của ý thức thẩm mỹ, các phạm trù cơ bản của mỹ học.

[23] Cơ sở văn hóa Việt Nam ----- [9DEXHDC006]

Học phần này giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam, xác định tọa độ văn hóa Việt Nam và các thành tố văn hóa như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

Chuyên ngành Tao dáng sản phẩm:

[24] Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế công nghiệp ----- [9DECHCS014]

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản màu sắc, màu sắc trong tâm sinh lý con người, phân tích màu sắc trên phương diện màu của sản phẩm. Tìm hiểu về văn hóa, mô tuýp trang trí và ứng dụng trong thiết kế sản phẩm.

[25] Kỹ thuật mô hình sản phẩm ----- [9DEMTCS006]

Phần 1: Phương pháp chế tạo mô hình 3D mô tả khái niệm, lịch sử phát triển, phân loại mô hình mô phỏng sản phẩm và những phương pháp cơ bản xử lý vật liệu thường dùng trong chế tạo mô hình như đất sét, thạch cao, composite, gỗ, giấy, vải, plastic xốp... để mô phỏng sản phẩm dưới dạng mô hình 3D.

Phần 2: Thực hành chế tạo mô hình 3D sinh viên thực hành tại xưởng làm các bài tập cơ bản chế tạo mô hình với các chất liệu khác nhau như đất sét phủ cốt, đồ khuôn thạch cao, cắt gấp xếp giấy, cắt gọt và hoàn thiện bề mặt mốp (plastic xốp) và composite.

[26] Nguyên lý thiết kế tạo dáng ----- [9DETDCN001]

Đánh giá kết quả học tập: Bài tập ứng dụng 20% (bài tập cá nhân), tham gia thảo luận 20% (theo nhóm). Đề tài nghiên cứu nhỏ (tiểu luận) 60% (đề tài cá nhân hoặc nhóm, tùy theo quy mô đề tài). Nộp tiểu luận hay bài mô hình vào thời điểm cuối học kỳ. Không có bài thi họ Phần 1: Nguyên lý thiết kế tạo dáng sản phẩm có nội dung lý thuyết trong 5 chương mô tả khái niệm sản phẩm và tạo dáng sản phẩm, lược sử design sản phẩm, lý thuyết design và phương pháp luận design sản phẩm. Chương 5 bàn về design và những ảnh hưởng của nó cũng như sự phát triển của design theo những xu hướng mới.

Phần 2: Tiểu luận nghiên cứu cá nhân với các chủ đề xoay quanh các vấn đề có trong 5 chương nội dung của môn học qua đó sinh viên nắm được phương pháp đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và các phương pháp phân tích - tổng hợp phục vụ cho các giải pháp thiết kế đồ án tạo dáng sản phẩm sau này cuối kỳ.

[27] Văn hóa và phong cách trong tạo dáng sản phẩm ----- [9DECHCS018]

Môn học Văn hóa và phong cách trong tạo dáng sản phẩm có 60 tiết được chia làm 3 phần:

- + Phần 1: Tổng quan yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến tạo dáng công nghiệp
- + Phần 2: Giới thiệu về một số phong cách và trào lưu sáng tạo trong tạo dáng công nghiệp
- + Phần 3: Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hình dáng và công năng của sản phẩm

[28] Điều khắc mỹ nghệ ----- [9DEMTCS022]

Điều khắc cơ bản là môn học thực hành, qua những bài học có tính mắc xích liên quan với nhau, bài học trước là cơ bản, bài học sau dựa vào đó mà sáng tác, từ đơn giản đến phức tạp giúp sinh viên phát triển khả năng cảm nhận, sáng tạo khối không gian ba chiều.

[29] Hình họa Tạo dáng 1 -----[9DEMTCS010]

Nội dung của môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa, ký họa theo phong cách diễn họa sản phẩm tạo dáng. Học phần thiết lập kỹ năng quan sát và phân tích hình khối cấu tạo đối tượng; kỹ năng diễn họa nét, diễn họa màu, ký họa bằng các chất liệu thường được dùng trong thiết kế như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker... Đối tượng tập trung nghiên cứu và thể hiện là các sản phẩm thiết kế tạo dáng có kích thước nhỏ cấu tạo đơn giản đến kích thước lớn cấu tạo phức tạp, các sản phẩm lao động cầm tay và điện tử.

[30] Hình họa Tạo dáng 2 -----[9DEMTCS011]

Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về hình họa và ký họa hình thể người toàn thân và các bộ phận của cơ thể người. Thông qua môn học, sinh viên nắm bắt được cách dựng hình tượng và người toàn thân, nghiên cứu sâu về dáng và động tác bàn tay. Đồng thời nghiên cứu sự tương tác giữa bàn tay-cơ thể người với vật dụng. Trên cơ sở, đó nhận diện mối liên hệ giữa hình dáng cấu tạo của vật dụng với đặc điểm cấu tạo cơ thể và các bộ phận, nhằm phục vụ cho mục đích thiết kế sau này, tạo ra những sp có hình dáng dễ sử dụng và công năng thuận tiện, thoải mái nhất cho người sử dụng.

[31] Kỹ thuật thể hiện đồ án Tạo dáng 1 -----[9DETDCN004]

Môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án 1 có 75 tiết được chia làm 3 phần:

- + Phần 1: Giới thiệu quy trình thiết kế tạo dáng cơ bản.
- + Phần 2: Kỹ thuật thể hiện đồ án giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiên cứu, đưa ra giải pháp thiết kế và hoàn thiện hồ sơ thiết kế.
- + Phần 3: Thiết kế với Photoshop và Powerpoint cung cấp công cụ hỗ trợ trình diễn ý tưởng thiết kế bằng phần mềm 2D.

[32] Mô hình sản phẩm -----[9DEMTCS018]

Môn học Mô hình sản phẩm gồm 2 phần 4 chương.

- + Phần 1: Phương pháp chế tạo mô hình 3D mô tả khái niệm, lịch sử phát triển, phân loại mô hình mô phỏng sản phẩm và những phương pháp cơ bản xử lý vật liệu thường dùng trong chế tạo mô hình như đất sét, thạch cao, composite, gỗ, giấy, vải, plastic xốp... để mô phỏng sản phẩm dưới dạng mô hình 3D.
- + Phần 2: Thực hành chế tạo mô hình 3D sinh viên thực hành tại xưởng làm các bài tập cơ bản chế tạo mô hình với các chất liệu khác nhau như đất sét phủ cốt, đồ khuôn thạch cao, cắt gấp xếp giấy, cắt gọt và hoàn thiện bề mặt mốp (plastic xốp) và composite.

[33] Đồ án Tạo dáng công cụ cầm tay -----[9DETDCN012]

Môn học bao gồm 3 phần:

- + Phần 1: Công cụ cầm tay bao gồm các chương có nội dung nghiên cứu đối tượng thiết kế, từ khái niệm, công năng mục đích sử dụng, loại hình, cấu trúc cấu tạo, vật liệu tương thích và công nghệ chế tác sản phẩm cho tới xu hướng phát triển của loại hình công cụ cầm tay.
- + Phần 2: Nhiệm vụ và giải pháp thiết kế nhằm mục đích xác định rõ nhiệm vụ thiết kế chính và nhóm giải pháp cụ thể từ nguyên lý thiết kế tạo dáng sản phẩm loại hình công cụ cầm tay cho tới giải pháp kiểu dáng, cấu tạo, giải pháp chất liệu, màu sắc và hoàn thiện bề mặt một sản phẩm công cụ cầm tay cụ thể.

- + Phần 3: Hồ sơ Đồ án thiết kế tạo dáng sản phẩm công cụ cầm tay mô tả giải pháp thiết kế cụ thể hóa qua Bộ hồ sơ thiết kế tạo dáng sản phẩm bao gồm các bản vẽ kiểu dáng (3D), bản vẽ kỹ thuật cấu tạo, lắp ráp hoàn thiện và mô hình hay sản phẩm chế thử.

[34] Đồ án Tạo dáng đồ trang trí -----[9DETDCN008]

Môn học bao gồm 3 phần:

- + Phần 1: Giới thiệu về sản phẩm trang trí - Giới thiệu vai trò công năng và thẩm mỹ của vật thể trang trí, lịch sử một số vật trang trí tiêu biểu, cấu tạo và vật liệu một số sản phẩm trang trí, các tiêu chuẩn thiết kế.
- + Phần 2: Nhiệm vụ và giải pháp thiết kế nhằm mục đích xác định rõ nhiệm vụ thiết kế chính và giải pháp cụ thể từ nguyên lý thiết kế tạo dáng sản phẩm loại hình vật thể trang trí cho tới giải pháp kiểu dáng, cấu tạo, giải pháp chất liệu, màu sắc và hoàn thiện bề mặt một sản phẩm vật thể trang trí cụ thể.
- + Phần 3: Hồ sơ đồ án thiết kế tạo dáng sản phẩm trang trí mô tả giải pháp thiết kế cụ thể hóa qua bộ hồ sơ thiết kế tạo dáng sản phẩm bao gồm các bản vẽ kiểu dáng (3D), bản vẽ kỹ thuật cấu tạo, hoàn thiện đồ họa bề mặt sản phẩm.

[35] Phương pháp luận sáng tạo trong thiết kế -----[9DETDCN016]

Giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của phương pháp tư duy sáng tạo. 13 phương pháp tư duy sáng tạo phổ biến trên thế giới; Lý thuyết sáng tạo TRIZ; Một số vận dụng của các phương pháp tư duy sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành, trong công việc của nhà thiết kế, sản xuất, kinh doanh...; Phương pháp rèn luyện để làm người sáng tạo.

[36] Vật liệu tạo dáng -----[9DECHTC102]

Môn học Vật liệu tạo dáng gồm 2 phần 4 chương:

- + Phần 1: Vật liệu đại cương mô tả khái niệm, lịch sử phát triển, phân loại vật liệu và những tính chất của vật liệu như tính chất vật lý, tính chất công nghệ, tính thẩm mỹ và khả năng ứng dụng trong thực tế dùng để chế tạo, sản xuất ra sản phẩm.
- + Phần 2: Vật liệu và kết cấu công nghệ phân tích những kết cấu và công nghệ chế tác cơ bản đối với từng nhóm vật liệu qua những thí dụ minh họa cụ thể các thể loại sản phẩm.

[37] Kỹ thuật thể hiện đồ án Tạo dáng 2 -----[9DETDCN005]

Về cơ bản sẽ sử dụng bản vẽ tay làm căn cứ để:

- + Xử lý hình chiếu bằng AutoCad.
- + Không gian làm việc với 3Ds max.
- + Xử lý phối cảnh, hình chiếu bằng Photoshop.

[38] Đồ án Tạo dáng đồ chơi -----[9DETDCN011]

Đây là môn học nghiên cứu sáng tác kết hợp với thực hành. Môn học bao gồm 3 phần:

- + Phần 1: Đồ chơi và trò chơi bao gồm các chương có nội dung nghiên cứu đối tượng thiết kế về lịch sử, các loại hình theo công năng và tính chất vật liệu, nguyên tắc thiết kế về mặt tạo hình, an toàn sử dụng, khuôn mẫu.
- + Phần 2: Nhiệm vụ và giải pháp thiết kế hướng dẫn sinh viên hướng nghiên cứu thị trường đồ chơi trong nước, lịch sử đồ chơi, phân tích tâm lý đối tượng sử dụng, nghiên cứu sản phẩm đồ chơi trẻ em về hình thức thẩm mỹ, sự phù hợp lứa

tuổi phát triển, thiết kế sản phẩm mới, khai thác thành tựu văn hóa - văn minh của người Việt trong thiết kế sản phẩm đồ chơi trẻ em.

- + Phần 3: Hồ sơ đồ án thiết kế đồ chơi trẻ em - thực hiện mô hình và hồ sơ thiết kế tạo dáng. Hồ sơ thiết kế tạo dáng bao gồm các bản vẽ phát triển ý tưởng, bản vẽ phối cảnh (3D), bản vẽ mặt cắt sản phẩm, bản vẽ thông số kỹ thuật, bản vẽ giải pháp trang trí sản phẩm, bản vẽ kịch bản sử dụng.

[39] Đồ án Tạo dáng giày dép-----[9DETDCN010]

Môn học bao gồm 3 phần:

- + Phần 1: Sản phẩm giày dép bao gồm các chương có nội dung nghiên cứu đối tượng thiết kế về lịch sử, các loại hình, nguyên tắc thiết kế, tiếng nói của vật liệu trong thiết kế sản phẩm.
- + Phần 2: Nhiệm vụ và giải pháp thiết kế giáo viên hướng dẫn sinh viên cách chọn lựa đề tài và phương pháp nghiên cứu tiếp cận thị trường, vật liệu, khuynh hướng thiết kế, xu hướng cùng thời trang. Sau khi sinh viên đưa ra các ý tưởng, cùng giáo viên tìm và định hướng giải pháp tốt nhất, thực hành thể hiện phương án này trên mẫu ba chiều (material, drap, practice).
- + Phần 3: Hồ sơ Đồ án thiết kế sản phẩm giày dép cụ thể hóa giải pháp thiết kế qua mô hình và hồ sơ thiết kế tạo dáng sản phẩm, hồ sơ bao gồm các bản vẽ phát triển ý tưởng, bản vẽ phối cảnh (3D), bản vẽ thông số kỹ thuật các rập, bản vẽ giải pháp vật liệu và phụ kiện trang trí trên sản phẩm.

[40] Đồ án cuối khóa_Tạo dáng sản phẩm-----[9DETDCN017]

Đồ án tốt nghiệp là môn học có trọng tâm thực hành. Mỗi sinh viên phải chủ động trong công việc nghiên cứu, phác thảo và thực hiện đồ án tốt nghiệp. Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần trong suốt thời gian thực hiện đồ án tốt nghiệp tối thiểu 1 buổi/tuần.

Sinh viên chọn đề tài, trao đổi và thống nhất cùng giảng viên hướng dẫn lập đề cương đồ án tốt nghiệp. Dựa vào những kiến thức và kỹ năng đã được học tập, thực hành, mỗi sinh viên thể hiện giải pháp thiết kế của mình dưới dạng hồ sơ thiết kế là các bản vẽ, có thể kết hợp với mô hình sản phẩm trực quan nhằm diễn tả đầy đủ ý tưởng và hình thức biểu hiện của giải pháp thiết kế.

Bằng hình thức trao đổi (tại lớp), giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ các sinh viên nghiên cứu, xác định giải pháp, lập kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn cũng có nhiệm vụ góp ý sửa chữa những sai sót và đóng vai trò phản biện trong quá trình thực hiện đồ án của sinh viên.

Sinh viên chủ yếu làm việc độc lập cho đồ án cá nhân của mình và có nhiệm vụ thông qua từng bước quá trình phát triển đồ án của mình với giảng viên hướng dẫn.

Chuyên ngành Thiết kế thời trang:

[41] Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế trang phục -----[9DECHCS015]

- + Tìm hiểu quy tắc sáng tạo nên màu sắc thông qua hệ thống ba màu căn bản để từ đó vận dụng tạo nên nhiều màu sắc khác nhau.
- + Tìm hiểu và nghiên cứu về các mô thức họa tiết và thông qua đó sáng tác các mô tuýp trang trí đơn giản
- + Vận dụng màu sắc vào trong mô tuýp trang trí.
- + Sáng tạo nên mô tuýp mới theo hòa sắc do người học tự tạo ra.

[42] Kỹ thuật mô hình trang phục-----[9DEMTCS007]

Kỹ thuật mô hình trang phục là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật phủ vải, nilon, giấy lên mannequin mẫu tạo nên những sản phẩm ôm sát hoặc chuyển động theo cơ thể một cách chính xác thông qua việc quần vải, băng keo cho đến khi nilon ôm sát vào mannequin, từ đó có được hình dáng cơ thể bằng chất liệu keo hoặc vải và bắt đầu thiết kế những kiểu bóng trang phục cơ bản: A, T, S, X,... Sau đó sáng tạo mẫu với những đường rã cúp bay bổng, không giới hạn, có thể chạy từ trước ra sau, triệt tiêu những đường ben đơn điệu hay tạo khối hình học: Khối lồi, khối lõm (hình vuông, tròn, trái tim...) và những dạng dún, xếp,... ngay trên cấu trúc trang phục, đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D thành những mảnh rập 2D để có thể may mẫu thử, hoàn chỉnh mẫu thử và thực hiện sản phẩm thật. Với kỹ thuật làm rập 3D vải, nilon, giấy và tăng volum, sinh viên có nhiều sự biến hóa thích thú và sự chính xác khá hoàn hảo.

Chất liệu vải chính để thực hiện sản phẩm là vải Kalicot – một loại vải cotton dệt thoi chưa qua hết những bước xử lý (vải mộc) nên tính chất ổn định và giữ nếp cao; Muslin một loại vải cotton dệt thoi mỏng hoặc vải Kate cũng được sử dụng. Ngoài ra còn có những chất liệu vải có tính năng đặc biệt cho sản phẩm như: Co giãn, đàn hồi hoặc mềm mại phải tương thích với thiết kế (với sản phẩm thật).

[43] Nguyên lý thiết kế trang phục -----[9DETTTCN001]

Thông qua môn học Nguyên lý thiết kế trang phục, sinh viên sẽ cùng giáo viên hướng dẫn tìm hiểu các nội dung sau:

- + Trang phục và lịch sử trang phục
- + Ngôn ngữ tạo hình trong thiết kế trang phục
- + Chất liệu trang phục
- + Quá trình thiết kế trang phục
- + Kinh doanh trong công nghệ may mặc và thời trang

[44] Văn hóa và phong cách trong thiết kế trang phục-----[9DECHCS019]

Phần 1: Nghiên cứu đặc trưng văn hóa trong thời trang (mô tuýp, mô tuýp trong trang phục hiện đại...)

Phần 2: Nghiên cứu các phong cách chính trong thời trang hiện đại và xây dựng bảng ý tưởng cho bộ sưu tập thời trang.

Phần 3: Bài thuyết trình nhóm và bài tập cá nhân.

[45] Hình họa Thời trang 1 -----[9DEMTCS012]

Môn học trang bị cho sinh viên lý thuyết và kỹ thuật cơ bản để vẽ người mẫu trong nhiều tư thế khác nhau, bằng các chất liệu cơ bản như bút chì, bút sắt, màu nước. Sinh viên được cung cấp kiến thức về giải phẫu tạo hình và thực hành làm quen với các bài vẽ tượng trước. Sau khi đã nắm bắt được những cấu trúc cơ bản về tỉ lệ, trục, hình khối cơ thể người, từ đó sinh viên sẽ có những cơ sở cần thiết để tập vẽ người thật. Việc liên tục vẽ với người mẫu thật nhằm phát triển kỹ năng quan sát cho người học, nâng cao sự hiểu biết về cơ thể người và kỹ năng hình họa.

[46] Kỹ thuật cắt may 1 -----[9DETTTCN002]

- + Dụng cụ may đo
- + Các thao tác cơ bản
- + Những kỹ thuật cắt may cơ bản
- + Thiết kế rập

+ Kỹ thuật may

[47] Hình họa Thời trang 2 -----[9DEMTCS013]

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về diễn họa thời trang, diễn họa trang phục. Thông qua môn học, sinh viên nắm được cách vẽ cơ thể người cách điệu theo tỉ lệ kéo dài, nghiên cứu phác họa cơ thể ở nhiều tư thế tạo dáng khác nhau, cách diễn tả trang phục, người mẫu mặc trang phục và kỹ thuật sử dụng chất liệu thường dùng trong diễn họa thời trang như bút chì, bút sắt, màu nước, chì màu, marker,... Kết thúc môn học, sinh viên hoàn thành một bộ sketch dáng để phục vụ cho mục đích thiết kế sau này.

[48] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 1 -----[9DETTTCN003]

- + Cấu trúc và các nội dung cơ bản của một đồ án thiết kế thời trang.
- + Kỹ thuật vẽ dáng người mẫu trong thiết kế thời trang.
- + Thiết kế rập trên manique.

[49] Mô hình trang phục -----[9DEMTCS019]

Mô hình trang phục là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật tạo khối hình học: khối lồi, khối lõm (hình vuông, tròn, trái tim...) và những dạng dún, xếp, ... ngay trên cấu trúc trang phục, đặc biệt là kỹ thuật phẳng hóa những khối 3D thành những mảnh rập 2D để có thể may mẫu thử, hoàn chỉnh mẫu thử và thực hiện sản phẩm thật. Với kỹ thuật làm rập 3D vải, giấy và tăng volum, sinh viên có nhiều sự biến hóa thích thú và sự chính xác khá hoàn hảo mà giấy (2D) và bút chì khó có thể tự thực hiện được. Nó thoát khỏi những cách cắt may truyền thống của một thân áo trước hay sau, có khi triệt tiêu đường may (không thấy đường may).

Chất liệu vải chính để thực hiện sản phẩm là vải Kalicot – một loại vải cotton dệt thoi chưa qua hết những bước xử lý vải nên tính chất ổn định và giữ nếp cao; Muslin – một loại vải cotton dệt thoi mỏng hoặc vải Kate cũng được sử dụng. Ngoài ra còn có những chất liệu vải có tính năng đặc biệt cho sản phẩm như: co giãn, đàn hồi hoặc mềm mại phải tương thích với sản phẩm thật.

[50] Đồ án Trang phục thể thao -----[9DETTTCN009]

- + Trang phục thể thao và trang phục dạo phố mang phong cách thể thao.
- + Cấu trúc cơ thể học - quá trình vận động trong hoạt động thể dục thể thao. Độ cử động và tính tiện nghi của trang phục.
- + Đề cương và phương pháp lập đề cương cho đồ án thiết kế trang phục thể thao
- + Nhiệm vụ thiết kế
- + Ý tưởng trong thiết kế trang phục thể thao
- + Nguyên lý thiết kế trang phục thể thao
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án thể thao
- + Trình diễn, giới thiệu, bảo vệ ý tưởng và sản phẩm

[51] Đồ án Trang phục trẻ em -----[9DETTTCN008]

- + Đề cương và phương pháp lập đề cương cho đồ án thiết kế trang phục trẻ em
- + Nhiệm vụ thiết kế
- + Ý tưởng trong thiết kế trang phục trẻ em
- + Nguyên lý thiết kế trang phục trẻ em
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án trẻ em
- + Trình diễn, giới thiệu, bảo vệ ý tưởng và sản phẩm

[52] Chất liệu và xử lý chất liệu-----[9DECHTC105]

Tìm hiểu sơ lược về chất liệu như: nguồn gốc, cấu tạo, phân loại, tính chất, cách sử dụng, cách bảo quản.

Tìm hiểu và nghiên cứu về các hình thức ứng dụng, xử lý chất liệu vải trong thời trang.

Thiết kế tạo mẫu vải trên nền chất liệu thật bằng các phương pháp xử lý khác nhau.

[53] Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 2 -----[9DETTTCN004]

Thông qua môn học Kỹ thuật thể hiện đồ án thời trang 2, sinh viên sẽ cùng giáo viên hướng dẫn tìm hiểu các nội dung sau:

- + Tổng quan về CorelDRAW
- + Ứng dụng corelDRAW trong thiết kế thời trang
- + Tổng quan về Photoshop
- + Hỗ trợ và áp dụng qua lại giữa corelDRAW và Photoshop

[54] Nghệ thuật trang điểm -----[9DETTTCN018]

- + Tổng quát chung về trang điểm
- + Dụng cụ trang điểm và mỹ phẩm
- + Các bước trang điểm
- + Phương pháp trang điểm theo từng thể loại, nhu cầu sử dụng
- + Phương pháp tạo kiểu tóc

[55] Đồ án Trang phục công sở -----[9DETTTCN011]

- + Đề cương và phương pháp lập đề cương cho đồ án thiết kế trang phục công sở, đồng phục
- + Nhiệm vụ thiết kế
- + Ý tưởng trong thiết kế trang phục công sở
- + Nguyên lý thiết kế trang phục công sở
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án công sở
- + Trình diễn, giới thiệu, bảo vệ ý tưởng và sản phẩm

[56] Đồ án Trang phục theo dáng người đặc biệt -----[9DETTTCN017]

- + Bố cục trang phục trên đặc điểm cơ thể người
- + Phân loại các nhóm người có dáng đặc biệt
- + Nguyên lý thiết kế trang phục cho người có dáng đặc biệt
- + Đề cương và phương pháp lập đề cương cho đồ án thiết kế trang phục cho người có dáng đặc biệt
- + Ý tưởng trong thiết kế trang phục cho người có dáng đặc biệt
- + Kỹ thuật thể hiện đồ án trang phục cho người có dáng đặc biệt
- + Trình diễn, giới thiệu, bảo vệ ý tưởng và sản phẩm

[57] Đồ án cuối khóa_Thời trang -----[9DETTTCN022]

Đồ án tốt nghiệp là môn học có trọng tâm thực hành. Mỗi sinh viên phải chủ động trong công việc nghiên cứu, phác thảo và thực hiện đồ án tốt nghiệp. Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần trong suốt thời gian thực hiện đồ án tốt nghiệp tối thiểu 1 buổi/tuần.

Sinh viên chọn đề tài, trao đổi và thống nhất cùng giảng viên hướng dẫn lập đề cương đồ án tốt nghiệp. Dựa vào những kiến thức và kỹ năng đã được học tập, thực hành, mỗi sinh viên thể hiện giải pháp thiết kế của mình dưới dạng hồ sơ thiết kế là các bản vẽ, có thể kết

hợp với mô hình sản phẩm trực quan nhằm diễn tả đầy đủ ý tưởng và hình thức biểu hiện của giải pháp thiết kế.

Bằng hình thức trao đổi (tại lớp), giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ các sinh viên nghiên cứu, xác định giải pháp, lập kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn cũng có nhiệm vụ góp ý sửa chữa những sai sót và đóng vai trò phản biện trong quá trình thực hiện đồ án của sinh viên.

Sinh viên chủ yếu làm việc độc lập cho đồ án cá nhân của mình và có nhiệm vụ thông qua từng bước quá trình phát triển đồ án của mình với giảng viên hướng dẫn.

Chuyên ngành Thiết kế đồ họa:

[58] Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế đồ họa ----- [9DECHCS016]

Ngôn ngữ màu sắc đồ họa là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về màu sắc và bố cục các dạng hình khối qua các bài học về màu sắc và tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng loại màu sắc, từng loại bố cục để ứng dụng một cách hiệu quả nhất cho các môn học, đề án tiếp theo của chuyên ngành.

[59] Kỹ thuật mô hình đồ họa ----- [9DEMTCS008]

Kỹ thuật mô hình Đồ họa là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về hình khối thông qua các bài học về hình khối và tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng hình dạng khối, chất liệu tương thích, nhằm mục đích hỗ trợ và hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường thiết kế đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng thiết kế mới như: 3D design, Decoration,....

[60] Nguyên lý thiết kế đồ họa ----- [9DEDHCN001]

- + Giới thiệu chung
- + Ngôn ngữ tạo hình, ngôn ngữ đồ họa và các quy luật thiết kế
- + Bố cục trong thiết kế (layout)
- + Nhận thức và định hướng ngành nghề

[61] Quảng cáo đại cương ----- [9DECHCN002]

Phần 1: Tổng quan về tiếp thị và quảng cáo

- + Bao gồm các kiến thức căn bản về tiếp thị, xu hướng và vai trò của tiếp thị ngày nay.
- + Khái niệm quảng cáo, lịch sử ra đời và xu hướng phát triển của quảng cáo trên thế giới và tại Việt Nam. Tổng quan chung về ngành nghề quảng cáo, các tính chất, đặc điểm và chức năng của quảng cáo đối với xã hội. Các loại hình và xu hướng quảng cáo mới. Thiết kế trong các loại hình quảng cáo.

Phần 2: Các vấn đề về thương hiệu: Bao gồm các kiến thức về khái niệm thương hiệu, quy trình xây dựng thương hiệu.

Phần 3: Kiến thức cơ bản về truyền thông: Kiến thức tổng quát về truyền thông, truyền thông cho thương hiệu. Quy trình thực hiện kế hoạch truyền thông.

Phần 4: Hoạch định ý tưởng quảng cáo: Bao gồm những kiến thức về tâm lý học sáng tạo, bản chất của sáng tạo, khái niệm về “concept” và phương pháp xây dựng concept trong quảng cáo.

Phần 5: Ngôn từ trong quảng cáo: Nguyên lý viết lời và cấu trúc của một thông điệp quảng cáo, lập luận trong quảng cáo. Tìm hiểu về ngôn từ trong quảng cáo thích hợp với đặc điểm của các loại hình truyền thông.

Phần 6: Các vấn đề liên quan: Những hiểu biết cơ bản để điều hành một công ty quảng cáo. Kỹ năng xây dựng và điều hành đội, nhóm. Kỹ năng trình bày thuyết phục người xem.

[62] Văn hóa và phong cách trong thiết kế đồ họa -----[9DECHCS020]

- + Các khái niệm chung về văn hóa và văn minh
- + Các nền văn hóa và sự hình thành
- + Văn hóa Việt Nam theo các yếu tố đặc trưng
- + Thực hành tìm cảm hứng từ văn hóa

[63] Hình họa Đồ họa 1 -----[9DEMTCS014]

Hình họa chuyên ngành Đồ họa 1 là môn học bước đầu vận dụng các kiến thức, kỹ năng ở hai học phần hình họa trước theo hướng phục vụ cho chuyên ngành. Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức về tỷ lệ cơ thể người, kỹ năng đo đạc, dựng hình để phác họa tư thế, dáng và chân dung người mẫu, chủ yếu ở chất liệu bút chì, bút sắt. Nhằm tạo kiến thức và kỹ năng nền tảng cho các đồ án chuyên ngành có sử dụng yếu tố nhân vật.

[64] Mô hình đồ họa -----[9DEMTCS020]

Mô hình Đồ họa là một học phần nâng cao cung cấp cho sinh viên những kiến thức và giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng về khối thông qua các bài tập tương tác chất liệu trong ngành thiết kế đồ họa. Sinh viên sẽ phải nghiên cứu một trong các nền văn minh và nét văn hóa đặc trưng. Từ đó sinh viên xây dựng một sản phẩm mô hình window display mô tả sự kiện lễ hội của nền văn hóa đó. Thông qua môn học sinh viên hiểu sâu hơn những ứng dụng thực tế của lĩnh vực này trong công việc hiện tại của thị trường thiết kế đồ họa đang ngày càng mở rộng và cập nhật nhiều xu hướng thiết kế mới như: 3D design, Decoration,....

[65] Hình họa Đồ họa 2 -----[9DEMTCS015]

Hình họa chuyên ngành Đồ họa 2 là môn học nối tiếp với môn học Hình họa chuyên ngành Đồ họa 1, với trọng tâm là tiếp tục nâng cao những kiến thức và kỹ năng của sinh viên về phác họa cơ thể người, đặc biệt là kỹ năng dựng hình, bố cục người mẫu với các dáng tĩnh, động kèm theo không gian bối cảnh, ở nhiều góc nhìn khác nhau. Rèn luyện kỹ năng thể hiện nhân vật bằng chất liệu màu và bước đầu triển khai ngôn ngữ cách điệu. Nhằm tạo kiến thức và kỹ năng cần thiết phục vụ cho các đồ án chuyên ngành có sử dụng yếu tố nhân vật.

[66] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 1 ----- [9DEDHCN015]

Phần 1: Giải pháp thiết kế

- + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các kỹ thuật diễn đạt ý tưởng bằng ngôn ngữ đồ họa với nhiều thủ pháp khác nhau. Sinh viên rèn luyện kỹ năng phác thảo bằng bút chì, bút kim, bút marker, màu nước. Giới thiệu quy trình thiết kế từ khi nhận bản tóm tắt nội dung yêu cầu thiết kế từ khách hàng đến các bước suy nghĩ sáng tạo, sơ phác thể hiện ý, phác thảo khái quát, phác thảo chi tiết, thiết kế sơ phác, thiết kế triển khai, thiết kế hoàn chỉnh, đến giai đoạn thiết kế kỹ thuật để in ấn.

Phần 2: Kỹ thuật trình bày đồ án - Kỹ năng thuyết trình

- + Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng trình bày Maquette thiết kế và Slice thuyết trình chuyên nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng. Ngoài ra sinh viên tìm

hiểu về kỹ năng thể hiện sản phẩm thiết kế bằng thủ công trên một số chất liệu giấy, decal, và tìm hiểu tiếp cận các loại vật liệu hỗ trợ khác như gỗ, kim loại, nhựa ... Thực hiện việc sản xuất, gia công sau in (Cán láng, bế, dập lỗ, dán gáy, gấp mép...).

Phần 3: Xử lý ảnh minh họa với Adobe Illustrator

- + Bao gồm các kiến thức về phần mềm xử lý ảnh Vector, đặc điểm, tính năng của AI so với các chương trình tạo ảnh vector khác. Giới thiệu công cụ xử lý và phương pháp vẽ hình, quản lý đối tượng và quản lý màu sắc trong AI.

Phần 4: Thiết kế dàn trang với Adobe Indesign

- + Bao gồm các kiến thức về phần mềm dàn trang, tính năng của Indesign so với các chương trình dàn trang khác. Giới thiệu công cụ xử lý và phương pháp dàn trang, các kiến thức thao tác với văn bản, hình ảnh, đối tượng, màu sắc, bảng biểu... trong Indesign

[67] Nghệ thuật chữ-----[9DECHTC101]

Lý thuyết:

- + Bao gồm lý thuyết lịch sử và kiến thức cơ bản về cấu trúc chữ. Lý thuyết lịch sử bao gồm các kiến thức về sự hình thành chữ viết trong xã hội loài người, sự phát triển và hoàn thiện của bộ chữ Latin. Giới thiệu những tác phẩm nổi bật và những trào lưu sử dụng chữ trong lịch sử. Những ảnh hưởng sâu sắc của nền công nghiệp hóa lên việc sáng tác các kiểu chữ.
- + Tổng quan chung về nghệ thuật chữ hiện đại, những trào lưu mới và những ứng dụng mới của yếu tố chữ trong thiết kế hiện đại.
- + Giới thiệu tổng quan về nghệ thuật chữ tại Việt Nam. Những xu hướng mới của thiết kế chữ dựa trên công nghệ hiện đại, sự giao thoa giữa các bộ môn nghệ thuật và những trào lưu văn hóa mới.
- + Kiến thức cơ bản về cấu trúc chữ trong bộ chữ Latin. Phân loại các kiểu chữ và cách sử dụng, sắp xếp chữ trong bố cục. Những kiểu chữ mới và những khái niệm mới về chữ.

Bài tập: Dựa trên lý thuyết đã học, sinh viên được cung cấp những bài tập nhằm củng cố kiến thức và giúp sinh viên thực hành việc sử dụng chữ trong thiết kế.

[68] Đồ án Đồ họa chữ và tín hiệu----- [9DEDHCN008]

Dựa trên nền tảng bộ môn nghệ thuật chữ căn bản, đồ án chữ nhằm hướng dẫn sinh viên thực hiện những nghiên cứu sâu về tính ứng dụng của chữ trong thiết kế đồ họa và giúp sinh viên khám phá Typography như một hình ảnh. Bằng những bài tập mang tính khơi gợi cảm xúc phát triển thế giới quan của mỗi sinh viên, giảng viên sẽ định hướng cho sinh viên thực hiện đồ án dựa trên năng lực và niềm yêu thích đối với bộ môn này.

[69] Đồ án Đồ họa hệ thống ----- [9DEDHCN007]

Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu và thiết kế nhận dạng thương hiệu của một công ty, sản phẩm hay dịch vụ, bao gồm logo và bộ ứng dụng văn phòng. Thông qua đồ án sinh viên được tìm tòi và trải nghiệm, rèn luyện năng lực tư duy, quan sát, khái quát, cách điệu, ước lệ hình ảnh. Sinh viên được khuyến khích tự do bày tỏ quan điểm, cảm xúc, và niềm yêu thích của mình về một lĩnh vực đề tài và cùng với giáo viên hướng dẫn định hướng phát triển hoàn thiện đồ án.

[70] Phát triển ý tưởng----- [9DEDHCN002]

- + Cung cấp những kiến thức và kỹ năng, quy tắc nền tảng về logic và phương pháp tư duy để hình thành và phát triển ý tưởng.
- + Giới thiệu cho sinh viên các tính chất, quy luật, nguyên lý của tư duy con người và sau đó tập trung ứng dụng các nguyên lý này vào việc suy nghĩ, quyết định, giải quyết vấn đề một cách chính xác, chủ động, sáng tạo và hiệu quả.
- + Tìm hiểu một số đặc điểm tư duy của người Việt.

[71] Kỹ thuật thể hiện đồ án đồ họa 2 ----- [9DEDHCN004]

- + Giới thiệu về Photoshop.
- + Thiết kế và xử lý ảnh với Photoshop.
- + Giải pháp nâng cao.
- + Từ ảnh tĩnh đến ảnh động.

[72] Đồ án Đồ họa minh họa ----- [9DEDHCN010]

Định nghĩa vai trò của ngành Illustration trên diện rộng và trong bối cảnh xưa và nay. Khơi gợi một hướng đi mới sống động của ngôn ngữ thị giác và đối thoại.

Giới thiệu những kiến thức cần và đủ của ngành Illustration cho sinh viên. Nhằm:

- + Khuyến khích tư duy sáng tạo và phát triển kỹ năng đa dạng nhằm hỗ trợ cho các lĩnh vực khác của đồ họa;
- + Tạo tiền đề cho sinh viên yêu thích và có năng khiếu khám phá khả năng của bản thân và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

[73] Đồ án Đồ họa quảng cáo ----- [9DEDHCN009]

Đồ họa quảng cáo là một học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp thiết kế ứng dụng trong quảng cáo. Thông qua môn học sinh viên nắm rõ những khái niệm và chức năng của từng sản phẩm thiết kế nhằm mục đích hỗ trợ bán hàng trong một chiến dịch quảng cáo như poster, print ads, billboard, wobblers, leaflet, standee, banner, bandrole, hanging, ...

[74] Đồ án cuối khóa_ Đồ họa ----- [9DEDHCN016]

Đồ án tốt nghiệp là môn học có trọng tâm thực hành. Mỗi sinh viên phải chủ động trong công việc nghiên cứu, phác thảo và thực hiện đồ án tốt nghiệp. Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần trong suốt thời gian thực hiện đồ án tốt nghiệp tối thiểu 1 buổi/tuần.

Sinh viên chọn đề tài, trao đổi và thống nhất cùng giảng viên hướng dẫn lập đề cương đồ án tốt nghiệp. Dựa vào những kiến thức và kỹ năng đã được học tập, thực hành, mỗi sinh viên thể hiện giải pháp thiết kế của mình dưới dạng hồ sơ thiết kế là các bản vẽ, có thể kết hợp với mô hình sản phẩm trực quan nhằm diễn tả đầy đủ ý tưởng và hình thức biểu hiện của giải pháp thiết kế.

Bằng hình thức trao đổi (tại lớp), giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ các sinh viên nghiên cứu, xác định giải pháp, lập kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn cũng có nhiệm vụ góp ý sửa chữa những sai sót và đóng vai trò phản biện trong quá trình thực hiện đồ án của sinh viên.

Sinh viên chủ yếu làm việc độc lập cho đồ án cá nhân của mình và có nhiệm vụ thông qua từng bước quá trình phát triển đồ án của mình với giảng viên hướng dẫn.

Chuyên ngành Thiết kế nội thất:

[75] Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế nội thất-----[9DECHCS017]

Lý thuyết: Phần lý thuyết gồm 3 nội dung chính

- + Lý thuyết về màu sắc, 6 nguyên tắc phối màu cơ bản. Màu sắc và cảm xúc, màu sắc - vật liệu - ánh sáng.
- + Lý thuyết về bố cục 2D/3D. Bố cục trong thiết kế nội thất,
- + Lý thuyết về mô tuýp trong thiết kế.
- + Nghiên cứu thêm: Phong cách thiết kế.

Thực hành: Với mỗi nội dung lý thuyết, sinh viên sẽ có bài tập ứng dụng để thực hành.

[76] Kỹ thuật mô hình nội thất -----[9DEMTCS009]

Phần 1: Phương pháp chế tạo mô hình 3D mô tả khái niệm, lịch sử phát triển, phân loại mô hình mô phỏng sản phẩm và những phương pháp cơ bản xử lý vật liệu thường dùng trong chế tạo mô hình như đất sét, thạch cao, composite, gỗ, giấy, vải, plastic xốp, format... để mô phỏng sản phẩm dưới dạng mô hình 3D.

Phần 2: Thực hành chế tạo mô hình 3D sinh viên thực hành tại xưởng làm các bài tập cơ bản chế tạo mô hình với kỹ năng xử lý, cắt gọt giấy mô hình.

[77] Nguyên lý thiết kế nội thất -----[9DENTCN001]

Phần 1: Mở đầu 10%

Phần 2: Kiến thức tổng quát 70%

- + Chương 1: Không gian công năng trong kiến trúc
- + Chương 2: Ngôn ngữ nghệ thuật trong thiết kế nội thất
- + Chương 3: Các nguyên tắc thiết kế không gian nội thất
- + Chương 4: Các yếu tố tạo nên không gian nội thất

Phần 3: Minh họa và bài tập ứng dụng 20%

[78] Văn hóa và phong cách trong thiết kế nội thất -----[9DECHCS021]

Phần 1: Kiến thức chung về văn hóa, phong cách

Phần 2: Một số đặc trưng văn hóa và phong cách tiêu biểu - Các phương pháp design (color board, moodboard, sample board, concept...)

Phần 3: Minh họa và bài tập ứng dụng.

[79] Vật liệu nội thất-----[9DECHTC103]

Qua môn học này sinh viên tìm hiểu:

- + Khái niệm “Vật liệu nội thất”.
- + Tầm quan trọng của vật liệu đối với không gian nội thất.
- + Sự đa dạng về mẫu mã, chất liệu, chất lượng và giá cả.
- + Cách thống kê, triển khai vật liệu khi thi công.
- + Tiêu chuẩn bản vẽ thi công, các quy ước, ký hiệu vật liệu diễn đạt chung mang tính quốc tế.
- + Cách thức trình bày diễn đạt ý tưởng logic, mạch lạc rõ ràng trên bản vẽ.

Chi tiết cấu tạo, liên kết giữa các vật liệu với nhau, các lưu ý khi thiết vật liệu theo size chuẩn của nhà sản xuất.

- [80] Hình họa Nội thất 1 -----[9DEMTCS016]
- Hình họa chuyên ngành Nội thất 1 là môn học cơ sở ngành, nhằm cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản, liên quan đến việc phác họa không gian cũng như diễn họa vật liệu trong thiết kế Nội thất. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phác họa không gian 1 điểm tụ, 2 điểm tụ. Ngoài ra, sinh viên sẽ được rèn luyện kỹ năng diễn tả một số vật liệu như: thủy tinh, kiếng, gỗ, đá, gạch... thông qua các mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế kèm theo một vài sản phẩm nội thất thường gặp.
- [81] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 1 -----[9DENTCN003]
- Phần 1: Mở đầu 10%
- Phần 2: Kiến thức tổng quát 70%
- + Chương 1: Khái quát đồ án nội thất
 - + Chương 2: Kỹ thuật thể hiện bản vẽ
 - + Chương 3: Bài tập kết thúc môn học
- Phần 3: Minh họa và bài tập ứng dụng 20%
- [82] Cấu tạo nội thất -----[9DENTCN002]
- Phần 1: Mở đầu 10%
- Phần 2: Kiến thức tổng quát 70%
- + Các bộ phận cấu tạo nội thất
 - + Các hệ thống kỹ thuật trong nội thất
- Phần 3: Minh họa và bài tập ứng dụng 20%
- [83] Hình họa Nội thất 2 -----[9DEMTCS017]
- Hình họa chuyên ngành Nội thất 2 là môn học cơ sở ngành tiếp theo Hình họa chuyên ngành Nội thất 1, tiếp tục đi sâu vào việc cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc diễn họa những không gian nội thất hoàn chỉnh. Thông qua môn học, sinh viên được thực hành phân tích và phác họa tổ hợp khối để dễ dàng phân tích tổ hợp cấu trúc của không gian nội thất ngoài thực tế. Ngoài ra, sinh viên sẽ tiếp tục được rèn luyện kỹ năng diễn tả những không gian nội thất cụ thể như nhà ở, văn phòng, dịch vụ giải trí... thông qua các mẫu diễn họa tiêu biểu. Cuối học kỳ, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức và kỹ năng diễn họa có được để thể hiện bài diễn họa không gian thực tế ngoài trời.
- [84] Kỹ thuật thể hiện đồ án nội thất 2 -----[9DENTCN004]
- Phần 1: Kế hoạch làm việc 20%
- + Dữ liệu thiết kế -> lập kế hoạch làm việc -> concept
- Phần 2: Thiết kế 60%
- + Các phần mềm chuyên ngành; Autocad/ 3Dmax/ Photoshop...
- Phần 3: Báo cáo 20%
- + Hồ sơ năng lực cá nhân, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng gặp khách hàng
- [85] Đồ án Nội thất nhà ở -----[9DENTCN007]
- Phần 1: Kiến thức tổng quát 20%
- + Công trình nhà ở là loại hình công trình được xây dựng nhiều nhất, gắn bó và tiếp cận thường xuyên nhất với mọi hoạt động của con người. Nhà biệt thự là một

dạng nhà ở cao cấp được xây dựng biệt lập, gắn gũi với thiên nhiên, ở đó tính riêng tư của con người được đặt lên cao nhất.

- + Sinh viên nghiên cứu tổng quát về loại hình công trình nhà ở, phân loại, cách phân khu chức năng, Mọi quan hệ giữa kiến trúc với nội thất, giữa các không gian nội thất với nhau và giữa không gian với trang thiết bị.
- + Sinh viên chọn một trong các không gian chức năng chính của loại hình nhà ở (Phòng khách, bếp, phòng ngủ...) thể hiện.

Phần 2: Triển khai thực hiện 70%

- + Tìm tư liệu, sưu tập, tổng hợp tất cả tư liệu về nhà ở
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá
- + Kết luận và đưa ra giải pháp thiết kế.
- + Ứng dụng vào không gian cụ thể -> Sáng tác
 - Kỹ năng phác thảo, sketch tay.

Phần 3: Báo cáo 10%

- + Giai đoạn 1: Báo cáo nghiên cứu -> Concept
- + Giai đoạn 2: Báo cáo cuối kỳ
 - 2 bảng A1: Vẽ tay
 - 1 tập sketch tay: Gồm các phác thảo trong quá trình phát triển đồ án.

[86] Đồ án Sân vườn công viên -----[9DENTCN008]

Phần 1: Kiến thức tổng quát 20%

- + Giới thiệu môn học: Thông tin về môn học, mục tiêu và nội dung chính, phương pháp dạy và học, các quy định riêng của giảng viên đối với sinh viên, phổ biến lịch trình...
- + Giảng viên cung cấp các kiến thức cơ bản về công trình, cung cấp nguồn tài liệu.

Phần 2: Triển khai thực hiện 70%

- + Tìm tư liệu, sưu tập, tổng hợp tất cả tư liệu về ngoại thất (Sân vườn, công viên, công viên thiếu nhi...)
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá
- + Kết luận và đưa ra giải pháp thiết kế.
- + Ứng dụng vào mặt bằng cụ thể -> Sáng tác: Kỹ năng phác thảo, sketch tay.

Phần 3: Báo cáo 10%

- + Giai đoạn 1: Báo cáo nghiên cứu -> Concept
- + Giai đoạn 2: Báo cáo cuối kỳ
 - 1 bảng A1: Vẽ tay, màu
 - 1 bảng A2: Mô hình
 - 1 tập sketch tay: Gồm các phác thảo trong quá trình phát triển đồ án.

[87] Nghệ thuật chiếu sáng -----[9DENTCN018]

Môn học được tổ chức theo 3 phần, mỗi phần kết thúc bằng một bài tập lớn. Song song với quá trình hướng dẫn làm bài tập là các bài giảng được sắp xếp phù hợp để trang bị kiến thức cho sinh viên làm bài tập.

Phần 1: Bài tập 1 - 20%

- + Giới thiệu môn học
- + Quang học cơ bản
- + Các thiết bị chiếu sáng

- + Phương pháp tính chiếu sáng sơ bộ (đủ sáng)
- + Hướng dẫn làm bài tập 1

Phần 2: Bài tập 2 - 20%

- + Tâm lý thị giác trong chiếu sáng
- + Độ sáng trong thiết kế chiếu sáng
- + Màu sắc trong thiết kế chiếu sáng
- + Hướng dẫn làm bài tập 2

Phần 3: Bài tập 3 - 50%

- + Các tiêu chí đánh giá thiết kế chiếu sáng
- + Chiếu sáng tiết kiệm năng lượng
- + Chiếu sáng tự nhiên
- + Hướng dẫn làm bài tập 3

[88] Đồ án Nội thất trưng bày -----[9DENTCN009]

Phần 1: Kiến thức tổng quát

- + Giới thiệu môn học: Thông tin về môn học, mục tiêu và nội dung chính, phương pháp dạy và học, các quy định riêng của giảng viên đối với sinh viên, phổ biến lịch trình...
- + Sơ lược về 1 số loại hình trưng bày thương mại (cửa hàng, showroom, trung tâm thương mại, siêu thị,...).
- + Vai trò, chức năng của công trình cửa hàng. Sơ đồ công năng và hệ thống trang thiết bị chính của 1 cửa hàng thông thường. Tìm hiểu sâu về các khu chức năng chính. Một số tiêu chuẩn, kích thước cơ bản. Các phong cách tiêu biểu.

Phần 2: Triển khai thực hiện 70%

- + Tìm tư liệu, sưu tập, tổng hợp tất cả tư liệu về các công trình dịch vụ giải trí
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá
- + Kết luận và đưa ra giải pháp thiết kế.
- + Ứng dụng vào không gian cụ thể -> Sáng tác
- + Kỹ năng phác thảo, sketch tay, vẽ máy.

Phần 3: Báo cáo 10%

- + Giai đoạn 1: Báo cáo nghiên cứu -> Concept
- + Giai đoạn 2: Báo cáo cuối kỳ
- + 2 bảng A1: Vẽ máy
- + 1 tập sketch tay: Gồm các phác thảo trong quá trình phát triển đồ án.

[89] Đồ án Nội thất văn phòng -----[9DENTCN010]

Phần 1: Kiến thức tổng quát 20%

- + Giảng viên giảng đề, cung cấp kiến thức cơ bản về loại hình công trình cao ốc văn phòng, phân biệt với các loại văn phòng khác, các phân khu chức năng. Mối quan hệ giữa kiến trúc với nội thất, giữa các không gian nội thất với nhau và giữa không gian với trang thiết bị.
- + Với tính chất công việc, đảm bảo công năng làm việc (thoải mái, đúng nhân trắc, tiện lợi_8 tiếng/1 ngày), đồng thời đảm bảo tính đặc thù công việc (thiết kế, kế toán, IT,...), tiết kiệm diện tích (giá thuê cao ốc văn phòng rất cao), độc đáo...
- + Sinh viên chọn một trong các không gian chức năng chính của loại hình này để thể hiện.
 - Lobby_Sảnh, reception.

- Khu làm việc.
- Phòng làm việc cấp cao.
- Phòng họp.
- Phòng hội trường.
- Phòng chức năng.
- Pantry, khu vực giải trí.

Phần 2: Triển khai thực hiện 70%

- + Tìm tư liệu, sưu tập, tổng hợp tất cả tư liệu về văn phòng, các loại hình văn phòng
- + Phân tích, nhận xét, đánh giá
- + Kết luận và đưa ra giải pháp thiết kế.
- + Ứng dụng vào không gian cụ thể -> Sáng tác

Phần 3: Báo cáo 10%

- + Giai đoạn 1: Báo cáo nghiên cứu -> Concept
- + Giai đoạn 2: Báo cáo cuối kỳ
 - 2 bảng A1: Vẽ máy, in màu.
 - 1 Hồ sơ thiết kế: A3 in trắng đen
 - CD lưu tất cả file làm bài

[90] Đồ án cuối khóa_Nội thất -----[9DENTCN021]

Đồ án tốt nghiệp là môn học có trọng tâm thực hành. Mỗi sinh viên phải chủ động trong công việc nghiên cứu, phác thảo và thực hiện đồ án tốt nghiệp. Sinh viên gặp giảng viên hướng dẫn hàng tuần trong suốt thời gian thực hiện đồ án tốt nghiệp tối thiểu 1 buổi/tuần.

Sinh viên chọn đề tài, trao đổi và thống nhất cùng giảng viên hướng dẫn lập đề cương đồ án tốt nghiệp. Dựa vào những kiến thức và kỹ năng đã được học tập, thực hành, mỗi sinh viên thể hiện giải pháp thiết kế của mình dưới dạng hồ sơ thiết kế là các bản vẽ, có thể kết hợp với mô hình sản phẩm trực quan nhằm diễn tả đầy đủ ý tưởng và hình thức biểu hiện của giải pháp thiết kế.

Bằng hình thức trao đổi (tại lớp), giáo viên hướng dẫn sẽ hỗ trợ các sinh viên nghiên cứu, xác định giải pháp, lập kế hoạch thực hiện đồ án tốt nghiệp. Giảng viên hướng dẫn cũng có nhiệm vụ góp ý sửa chữa những sai sót và đóng vai trò phản biện trong quá trình thực hiện đồ án của sinh viên.

Sinh viên chủ yếu làm việc độc lập cho đồ án cá nhân của mình và có nhiệm vụ thông qua từng bước quá trình phát triển đồ án của mình với giảng viên hướng dẫn.

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 03 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.

Trong khóa học, nhà trường bố trí các tuần lễ dành cho việc tham quan, kiến tập thực tập tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề được đào tạo.

[3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 8, Chương 2 Quy trình đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

- + Học kỳ chính: Số tín chỉ đăng ký ≥ 14 tín chỉ và ≤ 20 tín chỉ (± 4 tín chỉ)
- + Học kỳ phụ: Số tín chỉ đăng ký ≤ 06 tín chỉ
- + Học kỳ chính được bố trí làm bài thi tốt nghiệp cuối khóa: Số tín chỉ đăng ký ≤ 15 tín chỉ (ngoài bài thi tốt nghiệp, số tín chỉ đăng ký cho các môn học khác ≤ 06 tín chỉ).

[4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 45 phút học lý thuyết và 60 phút học thực hành (có thể gọi chung là TIẾT).

- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/ thực hành/ thí nghiệm/ thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/ thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/ bài tập lớn/ đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/ khóa luận tốt nghiệp/ luận văn tốt nghiệp/ luận án tốt nghiệp/ bài thi tốt nghiệp.
- + Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.

[5] Thang điểm đánh giá chung:

- + Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:
 - Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
 - Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
 - Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
 - Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.
- + Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:
 - Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
 - Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
 - o Điểm quá trình: ----- chiếm (a) %
 - o Điểm kiểm tra giữa kỳ: ----- chiếm (b) %
 - o Điểm thi cuối kỳ: ----- chiếm (c) %
 - o Điểm tổng kết môn học: ----- (a) + (b) + (c) = 100%
 - o Trong đó: ----- (a) + (b) $\leq 50\%$ và (c) $\geq 50\%$

- [6] Xếp loại đánh giá của môn học: Theo thang điểm 10,0. Trường hợp cần thiết, sinh viên có thể yêu cầu quy đổi theo thang điểm chữ và thang điểm 4,0

Xếp loại		Thang điểm hệ 10 (chính thức)				Thang điểm hệ 4	
						Điểm chữ	Điểm số
Đạt yêu cầu tích lũy	Xuất sắc	Từ	9,0	đến	10,0	A+	4,00
	Giỏi	Từ	8,0	đến cận	9,0	A	3,50
	Khá	Từ	7,0	đến cận	8,0	B+	3,00
	Trung bình khá	Từ	6,0	đến cận	7,0	B	2,50
	Trung bình	Từ	5,0	đến cận	6,0	C	2,00
Không đạt tích lũy	Yếu	Từ	4,0	đến cận	5,0	D+	1,5
		Từ	3,0	đến cận	4,0	D	1,0
	Kém	Từ	2,0	đến cận	3,0	D-	1-
		Từ	1,0	đến cận	2,0		1-
		Từ	0,0	đến cận	1,0		1-

- [7] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 27, Chương 6 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

9. Chương trình đào tạo được biên soạn và cập nhật ngày:----- ngày 24/04/2017
10. Chương trình đào tạo được thông qua theo quyết định số 212-17/QĐ-DSG-ĐT ngày 24/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm - Mã ngành: 6210401

HỌC KỶ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HỌC	Σ	LT	TH	LT	TH	
TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				99	2550	885	120	960	405	180	2880	2,550	885	1665	28.5	71.5	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT				0	225	90	15	120	0	0	270	225	90	135	33.3	66.7	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN				4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	
1	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXX				15	285	165	0	120	0	0	390	285	165	120	50.8	49.2	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ				66	1455	510	90	630	225	0	1665	1,455	510	945	28.8	71.2	
1	9DECHCS022	Design đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	4[2.2.8]	4	60	30	30	0	0	0	120	60	30	30	42.9	57.1	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
1	9DEMTCS001	Hình họa 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DECHCS010	Ergonomics	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	9DECHCS014	Mô tuýp và Màu sắc trong TKCN	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
2	9DEMTCS002	Hình họa 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DEMTCS006	Kỹ thuật mô hình sản phẩm	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
3	9DETDCN001	Nguyên lý thiết kế tạo dáng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DECHCS018	Văn hóa và phong cách trong TDSP	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
3	9DEMTCS022	Điều khắc mỹ nghệ	3[0.3.3]	3	90	0	0	90	0	0	45	90	0	90	0.0	100.0	THI
3	9DEMTCS010	Hình họa Tạo dáng 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
4	9DENACS004	Ảnh Studio	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
4	9DEMTCS011	Hình họa Tạo dáng 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
4	9DETDCN004	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 1	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
4	9DEMTCS018	Mô hình sản phẩm	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
5	9DTXHTC203	KHXH TC2: PP luận sáng tạo	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
5	9DECHTC102	Vật liệu tạo dáng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	9DETDCN005	Kỹ thuật thể hiện ĐA tạo dáng 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Tạo dáng sản phẩm - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	$\frac{TH}{TL}$	$\frac{ĐA}{BTL}$	$\frac{LA}{TN}$	$\frac{TU}{HOC}$	Σ	LT	TH	LT	TH	
6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH				10	300	60	0	60	180	0	270	300	60	240	15.8	84.2	
4	9DETDCN012	ĐA Tạo dáng công cụ cầm tay	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
4	9DETDCN008	ĐA Tạo dáng đồ trang trí	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DETDCN011	ĐA Tạo dáng đồ chơi	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DETDCN010	ĐA Tạo dáng giày dép	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
BÀI THI TỐT NGHIỆP				4	210	15	15	0	0	180	180	210	15	195	5.5	94.6	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI
6	9DETDCN017	ĐA cuối khóa_TDSP	4[0.4.8]	4	180	0	0	0	0	180	120	180	0	180	0.0	100.0	BV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế thời trang - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TỰ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				98	2580	840	105	1050	405	180	2805	2,580	840	1740	26.6	73.4	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT				0	225	90	15	120	0	0	270	225	90	135	33.3	66.7	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN				4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	
1	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXH				15	285	165	0	120	0	0	390	285	165	120	50.8	49.2	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ				63	1440	450	75	690	225	0	1545	1,440	450	990	25.4	74.6	
1	9DECHCS022	Design đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	4[2.2.8]	4	60	30	30	0	0	0	120	60	30	30	42.9	57.1	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế thời trang - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
1	9DEMTCS001	Hình họa 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DECHCS010	Ergonomics	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	9DECHCS015	Mô tuýp và Màu sắc trong TK trang phục	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
2	9DEMTCS002	Hình họa 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DEMTCS007	Kỹ thuật mô hình trang phục	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
3	9DETTTCN001	Nguyên lý thiết kế trang phục	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DECHCS019	Văn hóa và phong cách thiết kế trang phục	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DEMTCS012	Hình họa Thời trang 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
3	9DETTTCN002	Kỹ thuật cắt may 1	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
4	9DENACS004	Ảnh Studio	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
4	9DEMTCS013	Hình họa Thời trang 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
4	9DETTTCN003	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 1	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
4	9DEMTCS019	Mô hình trang phục	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
5	9DECHTC105	Chất liệu và xử lý chất liệu	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
5	9DETTTCN004	Kỹ thuật thể hiện ĐA thời trang 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế thời trang - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	$\frac{TH}{TL}$	$\frac{ĐA}{BTL}$	$\frac{LA}{TN}$	$\frac{TỰ}{HỌC}$	Σ	LT	TH	LT	TH	
HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH				12	345	75	0	90	180	0	315	345	75	270	17.2	82.8	
4	9DEETCN009	ĐA Trang phục thể thao	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
4	9DEETCN008	ĐA Trang phục trẻ em	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DEETCN018	Nghệ thuật trang điểm	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
5	9DEETCN011	ĐA Trang phục công sở	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DEETCN017	ĐA Trang phục theo dáng người đặc biệt	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
HÈ	9DEHCN001	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
BÀI THI TỐT NGHIỆP				4	210	15	15	0	0	180	180	210	15	195	5.5	94.6	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI
6	9DEETCN022	ĐA cuối khóa_Thời trang	4[0.4.8]	4	180	0	0	0	0	180	120	180	0	180	0.0	100.0	BV

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế đồ họa - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				99	2535	855	150	990	360	180	2865	2,535	855	1680	27.6	72.4	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT				0	225	90	15	120	0	0	270	225	90	135	33.3	66.7	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN				4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	
1	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXH				15	285	165	0	120	0	0	390	285	165	120	50.8	49.2	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ				66	1440	480	120	660	180	0	1650	1,440	480	960	27.3	72.7	
1	9DECHCS022	Design đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	4[2.2.8]	4	60	30	30	0	0	0	120	60	30	30	42.9	57.1	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế đồ họa - Mã ngành: 6210401

HỌC KỶ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TỰ HỌC	Σ	LT	TH	LT	TH	
1	9DEMTCS001	Hình họa 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DECHCS010	Ergonomics	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	9DECHCS016	Mô tuýp và Màu sắc trong thiết kế đồ họa	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
2	9DEMTCS002	Hình họa 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DEMTCS008	Kỹ thuật mô hình đồ họa	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DEDHCN001	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DECHCN002	Quảng cáo đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DECHCS020	Văn hóa và phong cách thiết kế đồ họa	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DEMTCS014	Hình họa Đồ họa 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
3	9DEMTCS020	Mô hình đồ họa	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
4	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
4	9DEMTCS015	Hình họa Đồ họa 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
4	9DEDHCN015	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 1	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
4	9DECHTC101	Nghệ thuật chữ	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
5	9DEDHCN002	Phát triển ý tưởng	3[1.2.6]	3	45	15	30	0	0	0	90	45	15	30	27.3	72.7	THI
5	9DENACS004	Ảnh Studio	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
5	9DEDHCN004	Kỹ thuật thể hiện ĐA đồ họa 2	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế đồ họa - Mã ngành: 6210401

HỌC KỶ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV	
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN			
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH		
6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI	
HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI	
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH					10	300	60	0	60	180	0	270	300	60	240	15.8	84.2	
4	9DEDHCN008	ĐA Đồ họa chữ và tín hiệu	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV	
4	9DEDHCN007	ĐA Đồ họa hệ thống	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV	
5	9DEDHCN010	ĐA Đồ họa minh họa	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV	
5	9DEDHCN009	ĐA Đồ họa quảng cáo	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV	
HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI	
BÀI THI TỐT NGHIỆP					4	210	15	15	0	0	180	180	210	15	195	5.5	94.6	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI	
6	9DEDHCN016	ĐA cuối khóa_Đồ họa	4[0.4.8]	4	180	0	0	0	0	180	120	180	0	180	0.0	100.0	BV	

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế nội thất - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
TỔNG CHUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO				98	2445	900	165	840	360	180	2910	2,445	900	1545	30.4	69.6	
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT				0	225	90	15	120	0	0	270	225	90	135	33.3	66.7	
3	GS19001	Giáo dục thể chất 1	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
3	GS19002	Giáo dục thể chất 2	0[0.1.1]	0	30	0	0	30	0	0	15	30	0	30	0.0	100.0	THI
4	MI20101	Giáo dục quốc phòng (CĐ)	0[6.3.16]	0	165	90	15	60	0	0	240	165	90	75	47.4	52.6	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHTN				4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	
1	GS15001	Tin học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	GS15002	TH Tin học đại cương	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG_KHXH				15	285	165	0	120	0	0	390	285	165	120	50.8	49.2	
1	GS17001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4[3.1.7]	4	75	45	0	30	0	0	105	75	45	30	52.9	47.1	THI
1	GS11001	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS11002	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
2	GS27002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
3	GS27003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
3	GS21003	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP_CƠ SỞ				65	1350	525	135	510	180	0	1695	1,350	525	825	32.3	67.7	
1	9DECHCS022	Design đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
1	9DECHCS007	Nguyên lý thị giác	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
1	9DTVECS001	Vẽ kỹ thuật (TKCN)	4[2.2.8]	4	60	30	30	0	0	0	120	60	30	30	42.9	57.1	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG**Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế nội thất - Mã ngành: 6210401**

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
1	9DEMTCS001	Hình họa 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DECHCS010	Ergonomics	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
2	9DECHCS017	Mô tuýp và Màu sắc trong TK NT	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
2	9DEMTCS002	Hình họa 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
2	9DEMTCS009	Kỹ thuật mô hình nội thất	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
3	9DENTCN001	Nguyên lý TK NT	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DECHCS021	Văn hóa và phong cách trong TK NT	3[2.1.5]	3	60	30	0	30	0	0	75	60	30	30	42.9	57.1	THI
3	9DECHTC103	Vật liệu nội thất	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
3	9DEMTCS016	Hình họa Nội thất 1	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
3	9DENTCN003	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 1	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
4	9DENTCN002	Cấu tạo nội thất	4[2.2.8]	4	60	30	30	0	0	0	120	60	30	30	42.9	57.1	THI
4	9DENACS003	Nghệ thuật ảnh	2[1.1.3]	2	45	15	0	30	0	0	45	45	15	30	27.3	72.7	THI
4	9DEMTCS017	Hình họa Nội thất 2	3[1.2.5]	3	90	15	0	30	45	0	75	90	15	75	13.0	87.0	THI
4	9DENTCN004	Kỹ thuật thể hiện ĐA nội thất 2	3[1.2.4]	3	75	15	0	60	0	0	60	75	15	60	15.8	84.2	THI
5	9DEXHDC004	Lịch sử mỹ thuật	3[3.0.6]	3	45	45	0	0	0	0	90	45	45	0	100.0	0.0	THI
5	9DENTCN018	Nghệ thuật chiếu sáng	3[2.1.6]	3	45	30	15	0	0	0	90	45	30	15	60.0	40.0	THI
5	9DENACS004	Ảnh Studio	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
6	9DEXHDC006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI
6	9DEXHDC005	Mỹ học đại cương	2[2.0.4]	2	30	30	0	0	0	0	60	30	30	0	100.0	0.0	THI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Ngành: Thiết kế công nghiệp - chuyên ngành Thiết kế nội thất - Mã ngành: 6210401

HỌC KỲ	MSSM	MÔN HỌC	PHÂN BỐ	TÍN CHỈ	SỐ GIỜ TÍN CHỈ							PHÂN BỐ LÝ THUYẾT - THỰC HÀNH					THI KT BV
												TỔNG THEO GIỜ TÍN CHỈ			TỶ LỆ % THEO THỜI GIAN		
					Σ	LT	BT	TH TL	ĐA BTL	LA TN	TƯ HOC	Σ	LT	TH	LT	TH	
HÈ	9DECHCS001	Thực tập cơ sở	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH			10	300	60	0	60	180	0	270	300	60	240	15.8	84.2	
4	9DENTCN007	ĐA Nội thất nhà ở	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
4	9DENTCN008	ĐA Sân vườn công viên	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DENTCN009	ĐA Nội thất trung bày	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
5	9DENTCN010	ĐA Nội thất văn phòng	2[1.1.4]	2	60	15	0	0	45	0	60	60	15	45	20.0	80.0	BV
HÈ	9DECHCN001	Thực tập chuyên ngành	2[0.2.2]	2	60	0	0	60	0	0	30	60	0	60	0.0	100.0	THI
	BÀI THI TỐT NGHIỆP			4	210	15	15	0	0	180	180	210	15	195	5.5	94.6	
6	GS47004	Lý luận chính trị cuối khóa	0[1.1.4]	0	30	15	15	0	0	0	60	30	15	15	42.9	57.1	THI
6	9DENTCN021	ĐA cuối khóa_Nội thất	4[0.4.8]	4	180	0	0	0	0	180	120	180	0	180	0.0	100.0	BV